

Câu chuyện một đêm giao thừa

Hoang Phong

Từ chiều hôm trước chị Ba Mến đã dặn xe ôm đưa chị ra bến xe đò miền Tây vào bốn giờ sáng. Tuy trời còn tối đen thê nhưng người đã đông, chen chúc, khê nê. Quang cảnh bến xe ngày hai mươi tám Tết có khác, thật ồn ào, tiếng người gọi nhau, trẻ con khóc la. Ánh đèn pha của những chiếc xe xếp thẳng hàng chiếu vào những đám bụi mù cuồn cuộn bốc lên từ những bước chân người hối hả. Một tay xách túi quần áo, một tay xách một giỏ lớn đầy quà bánh ngày Tết, chị Ba Mến có vẻ nôn nóng, gặp người lơ xe nào cũng hỏi :

- Chú em ơi ! Xe Cà Mau đậu chỗ nào vậy chú ?

Chị Ba Mến đã ngoài năm mươi, người tròn trịa, năng nê, trèo lên chiếc xe Phương Trang đã gần đầy khách. Chị vừa tìm được đúng số ghế, lay hoay xếp cái túi xách đựng quà Tết xuống sàn xe, chưa kịp ngồi thì đã thấy một phụ nữ còn trẻ, tay bế, tay dắt cũng tìm đến hàng ghế của chị. Người phụ nữ chỉ độ hơn hai mươi, bế một đứa bé còn đỏ hỏn, một đứa khác độ lên hai năm chặt lấy bầu áo của mẹ. Người phụ nữ ngồi xuống chiếc ghế bên cạnh, đặt đứa bé lên đùi, thở phào nhẹ nhõm. Đứa lớn là một bé gái chen vào giữa hai hàng ghế và đứng tựa vào hai đầu gối của mẹ.

Chiếc xe chật ních hành khách và hàng hóa, lắc lư và nặng nề ra khỏi thành phố. Chị Ba Mến liếc nhìn sang bên cạnh, thấy người phụ nữ đang cho con bú, đứa bé gái thì gục đầu lên đùi mẹ ngủ say. Cảnh tượng đó khiến chị Ba cảm thấy tủi thân. Chẳng những chưa hề được cái diễm phúc làm mẹ mà chị cũng chưa hề được một người con trai hay đàn ông nào để ý đến. Đôi khi chị cũng ước mơ có một tổ ấm gia đình, được làm vợ, làm mẹ, thế nhưng tất cả những thứ ấy cũng chỉ là ước mơ, những ước mơ ngày càng phai mờ với thời gian và tuổi tác. Thật vậy gần bốn mươi năm giam mình trong cái xó bếp nóng nực và nồng nặc mùi thịt cá, khô mắm, dầu mỡ, khói than... của một quán cơm bình dân chật chội ở đầu một con hẻm trong khu chợ Vườn Chuối, không mấy khi chị có dịp giao du hay quen biết với ai cả. Mỗi năm vào dịp Tết quán cơm đóng cửa vài ngày và đây cũng là dịp duy nhất chị được về thăm mẹ ở tận Năm Căn, Cà Mau.

Xe đến Trung Lương thì trời cũng bắt đầu ửng ửng sáng. Bất chợt xe thắng mạnh vì đèn đỏ, đứa bé gái té lộn xuống sàn xe giữa hai chân của người phụ nữ. Nó sợ hãi khóc ré lên. Thấy vậy chị Ba bèn nói với người phụ nữ :

- Nè chị Hai ! Để tui ẵm nó lên ngồi kế bên tui nghe chị !

- Nhờ Di ẵm nó lên đùi con, đứng lâu mỏi chân nó té.

Chị Ba Mến ẵm đứa bé lên, thế nhưng ghế thì hẹp, mông chị lại to lấn sang cả ghế của người thiếu phụ, không còn chỗ nào cho đứa bé ngồi. Chị đành đặt nó lên đùi chị. Đứa bé nín khóc, nhìn chị rồi đặt đầu lên ngực chị và tiếp tục lim dim ngủ mà không e dè gì cả. Lần đầu tiên trong đời có một đứa bé gục đầu lên ngực, chị Ba Mến cảm thấy một xúc cảm lạ dưng lên trong lòng mình, dịu dàng và triu mến. Một thời tuổi nhỏ bỗng hiện lên với chị, những kỷ niệm của quá khứ cứ thế mà theo nhau lùi về xa hơn và xa hơn nữa...

Ấp Tắc Biển, cách thị xã Năm Căn hơn mười cây số về phía Nam, nằm ở bờ bên kia của con sông Cửa Lớn, một nơi hoang vu, sinh lầy và muỗi mòng. Từ Tắc Biển chỉ cần chèo thêm khoảng mười cây số nữa theo mấy con rạch nước mặn qua các ấp Ngọc Hiền, Rạch Góc, Kinh Ba là đến biển, nơi tận cùng của mũi Cà Mau, một nơi quanh năm lụt lội, chỗ thì lở, chỗ thì bồi. Mỗi ấp trong vùng cũng chỉ được vài chục mái nhà lá, cất trên những gò cao. Chung quanh toàn là những bãi lầy ngập nước.

Cách nay đã hơn năm mươi năm vào một đêm ba mươi tối trời, chị Tư Lượm loay hoay chuẩn bị giao thừa. Nói là chuẩn bị thế nhưng thật ra thì cũng chẳng có gì để mà chuẩn bị cả, vì cái chòi của chị nhỏ xíu chỉ đủ kê một chiếc chõng tre và một cái bàn nhỏ làm bàn thờ. Trên bàn có đặt một bát hương. Vài chiếc nồi nhôm móp méo treo trên vách phía sau cái bàn. Hai cái lò đất nấu bằng củi bằm đầy tro bụi đặt trong góc nhà, bên cạnh một đồng củi. Không khí ngày Tết nếu có thì cũng chỉ ở trong lòng chị mà thôi. Tuy chẳng có gì gọi là giao thừa thế nhưng chị Tư cũng cứ cảm thấy bồn chồn và nôn nao trong lòng, chị nghĩ rằng năm mới sắp đến biết đâu cũng sẽ mang lại một chút đổi thay nào đó cho cuộc đời mình. Chị Tư Lượm ôm thẳng con trai tám tuổi của chị vào lòng và nhìn ra cửa chòi, một vùng hoang vu, lau sậy và ngập nước trải rộng đến chân trời.

Chín năm trước đó chị Tư Lượm và người chồng là anh Tám Nghiệp đến định cư ở ấp Tắc Biển. Hai vợ chồng gốc ở Cái Tắc Cần Thơ xuống làm mướn ở thị xã Năm Căn. Chiến tranh ngày càng gia tăng, nhiều gia đình trong các vùng xa bỏ ruộng dọn đi nơi khác. Hai người tìm được một gò đất bỏ hoang ở ấp Tắc Biển, họ bèn cất chòi, khai mương, làm rẫy, nôm cá, đặt lò... để kiếm ăn qua ngày. Một năm sau, hai người sinh được một đứa con trai và đặt tên là Hên. Chiến tranh ngày càng trở nên khốc liệt, bom đạn triền miên, chết chóc xảy ra hàng ngày. Nhiều người đàn ông, thanh niên ở các ấp chung quanh thường đến rủ rê, anh Tám nghe cũng bùi tai. Lúc đầu anh bỏ gia đình theo họ vài ngày, sau đó thì đi lâu hơn, có khi cả tháng mới về. Chị Tư ở nhà nuôi con.

Thế nhưng một hôm anh Tám ra đi và không thấy trở về nữa. Năm năm sống nhần nhục với thằng con trai nhỏ cũng đã quen. Đêm giao thừa năm nay chị thắp ba cây nhang cắm vào bát hương trên bàn khấn vái ông bà và cầu mong cho anh Tám được bình yên dù là đang ở nơi nào. Sau đó chị chui vào mừng, thằng Hên đã ngủ say. Vừa thiu thiu ngủ thì bỗng chị nghe thấy có tiếng người gọi thật khê :

- Lượm ơi Lượm ! Anh về nè em !

Chị Tư tưởng mình nằm mơ, mở mắt lắng nghe.

- Lượm ơi ! Mở cửa cho anh, Tám Nghiệp của em về thăm em nè !

Chị Tư bật dậy, chui khỏi mừng, phóng ra cửa. Chị kéo mạnh chiếc cửa chòi đan bằng tre, bóng anh Tám hiện ra giữa khung cửa, sừng sững, yên lặng, sau lưng anh mờ mờ những đám ruộng sinh mọc đầy lau lách. Chị Tư ôm anh Tám khóc hu hu. Anh Tám ôm vợ và siết chặt trong vòng tay mình, càng siết chặt chị Tư càng khóc to hơn. Anh Tám cũng khóc, những giọt nước mắt yên lặng của anh rơi lên tóc của chị Tư. Trên cao bầu trời tối đen, lấp lánh những vì sao vô tình.

Chị Ba Mén được hình thành trong một đêm giao thừa, trong vòng tay xa lạ của một người cha và bằng những giọt nước mắt tủi thân của một người mẹ. Chưa tờ mờ sáng anh Tám đã từ giã vợ ra đi. Anh cho biết là tối hôm qua nhân dịp hành quân qua vùng này, anh đã

xin cấp chỉ huy về thăm vợ. Anh hôn lên đầu thằng con trai còn đang ngủ say và vội vã ra đi. Chị Tư ngồi ở thềm cửa nhìn theo và ôm mặt khóc hu hu. Trời hừng đông chị Tư trở vào nhà xếp mùng mới nhận thấy anh Tám đã bỏ quên một chiếc nón bèo nhều màu rêu, dính đầy bùn đất và hoen ó mờ hôi. Cảm chiếc nón chị lại khóc thêm một chập nữa. Sau đó chị vác cuộc đi làm công, dẫn thằng Hên theo như mọi ngày.

Bảy tháng rưỡi sau đó, trong căn chòi một đứa bé gái sinh ra đời, thiếu tháng, nhỏ xíu và èo uột. Chị Tư Lượm đặt tên nó là Mót, cái tên Mén chỉ là tên chánh thức sau này. Khi con ba Mót được một tuổi, chị không còn phải đeo nó trên lưng để đi làm nữa mà giao nó cho thằng Hên ở nhà giữ em. Ba mẹ con sống giữa hai lần đạn phục kích và ruộng bỏ, bữa đói bữa no. Khi con Mót được năm tuổi biết ở nhà một mình, thằng Hên theo giúp đỡ mẹ trong các việc đồng áng. Ba mẹ con cũng đủ ăn.

Thằng Hên càng lớn càng giống cha, mỗi lần nhìn nó chị Tư lại khóc. Mười bốn tuổi nó đã biết nôm cá, đặt lờ. Mười lăm tuổi nó biết đi làm công thay cho mẹ vào những ngày mẹ bệnh. Nó siêng năng, cày cuốc rất giỏi ai cũng thương. Thời gian trôi nhanh, thằng Hên trở thành một thanh niên vạm vỡ. Trong một cuộc ruộng bỏ, nó được đưa lên quận để làm giấy tờ nhập ngũ vì đã mười tám tuổi. Thế là chị Tư lại rơi vào cảnh đơn chiếc, mỗi ngày đi làm công, dắt con Mót theo để tập cho nó biết các công việc đồng áng ruộng vườn.

Đỗ đốc cầu Mỹ Thuận được vài cây số thì chiếc xe đò dừng lại ở một quán ăn lớn để hành khách điểm tâm. Chị Ba Mén dắt đứa bé gái xuống xe và bước theo mẹ nó. Chị Ba ăn chay trường nên chỉ gọi một ly trà đá, chị nói với người phụ nữ :

- Để dì ẵm con cho em ăn. Tội nghiệp, đeo hai đứa con leo neho lóc nhóc thiệt là khổ. Chồng em đâu sao không về chung ?

- Chồng con làm bảo vệ cho khách sạn, Tết đông khách không được về. Con ráng ẵm hai đứa nhỏ về Tân Thành Cà Mau thăm bên nội bên ngoại.

Người thiếu phụ trẻ trao đứa bé trên tay cho chị Ba Mén. Chị ẵm đứa bé vào lòng, tuy vụng về và ngượng nghịu thế nhưng không che dấu được sự thích thú hiện lên trong đôi mắt chị. Chị mơ màng nghĩ đến người mẹ mình ở Bắc Biền cũng đã từng ẵm bồng mình trong tay và cho mình bú. Thế rồi những hình ảnh của con Ba Mót ngày xưa cứ theo nhau hiện lên với chị. Năm đó chị được chín tuổi, một hôm mẹ hỏi :

- Mót à! Con muốn đi học không? Má không muốn con dốt nát như ba má.

Con Mót yên lặng không biết phải trả lời ra sao, cũng không hiểu học hành là gì, một sự lo sợ mơ hồ thoáng hiện trong lòng nó. Vài hôm sau chị Tư Lượm bỏ một ngày làm công, chèo xuồng qua ấp Tân Tiến ghi tên cho con Ba Mót đi học. Ở Tân Tiến có một mái trường với khoảng hai mươi đứa học trò. Thầy giáo là một người trọng tuổi từ bên Năm Căn về đây sáng lập.

Đến Tân Tiến chị Tư cột xuồng dắt con Ba Mót đi gặp thầy giáo. Trường là một mái lá, bên trong là một đám học trò đủ mọi lứa tuổi đang bu quanh bốn hay năm cái bàn xiêu vẹo. Trông thấy thầy giáo ngồi ở một cái bàn nhỏ kê trong một góc lớp, con Ba Mót hoảng sợ nắm vạt áo mẹ. Thầy giáo cất lời hỏi chị Tư :

- Con nhỏ tên gì đó chị ?

Câu hỏi thật tự nhiên nhưng khá bất ngờ đã gọi lại cho chị cảnh anh Tám bất thần trở về với chị trong một đêm giao thừa cách nay đã chín năm, và đã để lại cho chị một đứa con mót. Nước mắt chạy quanh, chị không muốn con gái mình phải suốt đời mang cái tên gọi lại những kỷ niệm chua xót đó của đời mình, nên không biết phải xử trí ra sao. Thầy giáo ngược lên thấy đôi mắt chị rung rung, thầy hoảng hốt, lúng túng tìm cách trấn an :

- Tôi hỏi cháu tên gì để ghi vào sổ, có sao đâu mà chị lại buồn như vậy ?

Chị Tư không kịp suy nghĩ vội trả lời :

- Nó tên Mến !

- Tên Mến mà họ gì vậy chị ?

Câu hỏi lại càng làm cho chị Tư lúng túng thêm :

- Dạ thưa thầy tui cũng không biết. Từ ngày tui lấy anh tui cũng chỉ biết anh tên Tám Nghiệp.

Thầy giáo lại hỏi :

- Vậy chị họ gì ?

- Thầy hạch hỏi làm chi, tui cũng không biết luôn. Cha mẹ chết sớm ở với dì, lớn lên theo anh Tám cho tới nay...

Thầy giáo suy nghĩ một lúc rồi nói với chị Tư :

- Tôi ghi đại cho nó họ Nguyễn, chị chịu không ?

- Nó có tên có họ đảng hoàng là phước đức ông bà để lại rồi. Tui nào có dám chê khen gì.

Kể từ đó con ba Mót mang tên là Nguyễn Thị Mến. Cái tên cũng khá phù hợp với vóc dáng ốm yếu và nhỏ thó của nó. Con Mót đứng nép bên chân mẹ, ngơ ngác và sợ hãi. Nó cũng chẳng hiểu là kể từ ngày hôm nay nó có thêm một cái tên mới là Mến.

Tác Biến cách Tân Tiến hơn ba cây số. Mỗi ngày con Mến chèo xuồng đi học, chị Tư đi làm công. Những ngày mưa bão lụt lội, không ai mượn, chị Tư phải mượn gạo mà ăn. Con Mến cũng không đi học được. Hai mẹ con ngồi chòm hóm trên chiếc chõng tre nhìn ra trời mưa và nước ngập mênh mông. Những hình ảnh đó thỉnh thoảng vẫn hiện lên với chị Ba Mến khiến chị cảm thấy xót xa và thương mẹ vô cùng. Trong những dịp như thế chị Tư thường kể chuyện đời mình cho con Ba Mến nghe. Chị trở chiếc nón vải bèo nhèo dính bùn đất và hoen ố mờ hôi cài trên vách ở đầu chõng tre và nói với nó :

- Đó là cái nón mà tía mày vì ra đi hấp tấp đã bỏ quên lại cho má trong một đêm giao thừa.

Cạnh bên chiếc nón có cài thêm một gói thuốc lá hút dở dang. Sự tích về gói thuốc lá thì con Mén còn nhớ. Anh Hai Hên của nó nhập ngũ và hai năm sau có trở về thăm mẹ và thăm nó một lần. Khi ra đi anh nó đã bỏ quên gói thuốc lá trên bàn, bên trong còn lại tám điếu. Lúc đó nó đã bảy tuổi, không những nó còn nhớ gói thuốc lá anh nó bỏ quên mà còn nhớ cả câu nói mà anh nó đã nói với mẹ trước khi ra đi :

- Má à, đi lính nhớ nhà con bắt chước bạn bè hút thuốc, uống bia. Lương lính không đủ xài, con không có tiền mua quà bánh gì cho má hết. Nhờ lãnh thêm chút tiền thưởng Tết nên con mua vé xe đò về thăm má. Con mong ngày nào hết chiến tranh sẽ trở về Tắc Biển làm ruộng nuôi má và em con.

Tuy nói thế nhưng thật ra anh nó cũng có mua cho nó một gói kẹo dừa thật to. Hai mẹ con thỉnh thoảng đem ra ăn, mỗi người một cục.

Qua khỏi Cần Thơ, chiếc xe Thiên Trang dừng lại để hành khách ăn trưa. Chị Ba Mén moi trong giỏ quà Tết một hộp xôi và dặt đứa bé gái bước theo mẹ nó xuống xe. Trời nắng gắt, mọi người có vẻ bơ phờ, ít trò chuyện hơn so với lúc ban sáng khi xe dừng lại để điếm tâm. Khoảng một giờ sau thì người lơ lại gọi hành khách lên xe. Trong xe mát rượi nhờ có điều hòa không khí, hành khách lim dim. Chiếc xe tiếp tục lăn bánh trên Quốc Lộ Một tiến về Cà Mau thế nhưng đầu óc của chị Ba Mén lại cứ ngược trở về quá khứ.

Mẹ chị kể rằng ngày còn thanh niên dưới thời quân đội Pháp, cha chị cũng đã từng bị bắt lính, thế nhưng chân bên trái có tật nên được thả về. Cha mẹ chị gặp nhau trên một cánh đồng lúa ở Cái Tắc khi hai người đi làm công. Cả hai rủ nhau xuống lập nghiệp ở Cà Mau. Lúc đó không biết ai đã kể chuyện về cái xứ Đà Lạt cho cha chị nghe mà theo lời mẹ kể lại thì cha chị lúc nào cũng mơ ước được sống trên đó. Cha chị bảo rằng ở Đà Lạt có núi cao chót vót, khí hậu mát lạnh, có hoa thơm cỏ lạ bốn mùa. Đà Lạt có thung lũng Tình Yêu, Suối Vàng, thác Cam Ly hùng vĩ, hồ Xuân Hương thơ mộng, những cánh rừng thông bát ngát. Nhà cửa toàn là biệt thự nguy nga và lộng lẫy. Mọi người đều giàu có, lên đó kiếm miếng ăn nhất định là phải dễ dàng. Thế nhưng trên thực tế thì cha mẹ chị lại lưu lạc xuống tận Năm Căn, cát chồi trên một gò đất bỏ hoang ở Tắc Biển, một vùng quanh năm ngập lụt, lau sậy mịt mù và muỗi mòng dày đặc. Mẹ chị thường nói với chị :

- Tía mày lúc nào cũng mơ ước đưa tao lên sống ở Đà Lạt đầy thơ mộng, rồi cuộc lại dẫn tao về lập nghiệp ở cái gò đất này. Bước ra khỏi nhà là lội sình tới đầu gối.

Năm Căn thuộc tỉnh Cà Mau là thị xã cuối cùng nằm về phương Nam trên Quốc Lộ Một. Con lộ dài nhất nước này chấm dứt ở bến đò Năm Căn. Con đò nối liền Năm Căn với bờ bên kia của con sông Cửa Lớn mở ra một vùng đất thấp mênh mông.

Chiếc xe Thiên Trang lác lư tiếp tục lăn bánh dưới ánh nắng gay gắt, chị Ba Mén nhìn sang bên cạnh và giật mình ! Người thiếu phụ ngủ say, nghèo đầu sang một bên, miệng há hốc, đứa bé cũng nhả vú mẹ ngủ say, nước miếng lòng thòng. Nguyên một bên ngực của người thiếu phụ để lộ ra bên ngoài, căng tròn và trắng phều. Chị Ba khe khẽ kéo ngực áo của người thiếu phụ để che bớt lại. Sáng nay khi mới lên xe và ngồi bên cạnh người thiếu phụ với hai con, chị Ba Mén cảm thấy một chút tủi thân nào đó trước cái số phận hẩm hiu không được làm mẹ của mình, thế nhưng cảnh tượng trước mắt đã khiến cho chị phải bàng hoàng. Chị cảm thấy xót thương cho thân phận người phụ nữ.

Thế rồi năm đó chiến tranh chấm dứt, con Ba Mến được mười lăm tuổi, nhưng vẫn èo uột, thấp bé như một đứa trẻ mười hai. Một hôm có một người lạ tìm đến căn chòi của chị Tư Lượm và đưa cho chị một lá thư viết tay. Con Ba Mến đọc thư cho mẹ nghe. Trong thư người viết tự giới thiệu mình là Tư Nghĩa, trước đây ở ấp Ngọc Hiền, cách Tác Biển hơn ba cây số. Chị Tư Lượm có biết người này. Trong thư anh Tư Nghĩa cho biết trước đây mình là bạn đồng ngũ với chồng chị là anh Tám Nghiệp. Vì bị thương nên anh được đưa về hoạt động ở Sài Gòn. Nay đất nước hòa bình anh muốn giúp con Ba Mót có chút tương lai hầu giúp đỡ chị. Trong ba ngày nữa vợ anh sẽ xuống đất con Ba Mót lên Sài Gòn, và anh sẽ lo hộ khẩu cũng như công ăn việc làm cho nó. Chị Tư Lượm biết anh Tư Nghĩa là người tốt, ngay thẳng, phần chị thì đã yếu, không biết còn đi làm công được đến ngày nào. Chị đành bậm bụng mà giao con Ba Mót cho vợ anh Tư Nghĩa.

Chiếc xe đò Phương Trang dừng lại ở một quán ăn để hành khách giải lao. Hai đứa nhỏ giật mình thức giấc khóc la. Chị Ba Mến cảm thấy toàn thân ê ẩm, bước xuống xe thật khó khăn. Giam mình trong một cái bếp chật hẹp như một chuồng gà gần bốn mươi năm, con Ba Mến ôm yếu và gầy còm trước đây nay đã trở thành một người đàn bà sồn sồn, tướng đi nặng nề, lạch bạch, lắc lư như một con gà mái dầu.

Gian bếp được hơn mười thước vuông, góc trái là nhà vệ sinh, bên cạnh có kê hai thùng phuy đựng nước. Giàn bếp gồm có bốn lò nấu bằng gas. Bốn vách bếp đều có kệ chất đầy mắm muối, gia vị, chai lọ, chén bát, xoong chảo, nồi niêu đủ cỡ... Đây là cái thế giới của chị Ba Mến. Tuy chật hẹp thế nhưng cái thế giới đó cũng không đến nỗi quá tẻ nhạt. Mỗi ngày có bốn cô gái vào trạc tuổi hai mươi đến giúp việc, hai cô phụ bếp, hai cô chạy bàn. Chẳng những họ là nguồn thông tin của chị về những gì xảy ra bên ngoài bốn vách tường của cái bếp quanh năm ướt át và nhơ nhớp, mà còn là một nguồn hiểu biết giúp cho chị học hỏi thêm. Bốn cô vừa làm vừa bàn với nhau về các vở cải lương, các phim chuyện tràng giang đại hải của Hàn Quốc, Hồng Kông, Đài Loan, Trung Quốc... mà họ xem trên truyền hình hay trong các đĩa DVD. Đây là các chuyện cô này yêu cậu kia, cậu kia thương cô nọ, ghen tuông, gây cấn, éo le, mưu mô, lòng gạt, hận thù, nước mắt... Chị Ba Mến cũng tham gia vào các câu chuyện ấy và bàn cãi rất hăng. Tâm hồn của con bé Ba Mến quê mùa và thật thà nơi ấp Tác Biển ngày xưa nay nhờ đó cũng đã trở nên phong phú hơn. Đời sống tinh cảm của chị Ba Mến cũng chỉ có thế, một chút tưởng tượng dựa vào những câu chuyện yêu thương do các cô phụ bếp và chạy bàn kể lại.

Chị học bếp với người chủ trước, và người này nay đã qua đời. Người chủ hiện tại là con gái lớn của bà chủ trước. Quán đông khách là nhờ những món do tay chị nấu. Các món mắm kho, canh chua, thịt ram, sườn nướng và nhất là món lòng heo luộc chấm mắm nêm là các món ăn khách nhất. Mỗi ngày chính chị phải đảm đang các món này, không ai thay thế được. Thế rồi với thời gian chị cũng đã an phận với cái thế giới thu hẹp đó. Đôi ba tháng một lần chị gởi tiền về cho mẹ ở Tác Biển. Chị Tư Lượm, mẹ của con Ba Mót ngày xưa nay đã trở thành một bà lão gần tám mươi, gầy nhom, lúc nào cũng tư lự, đôi mắt lem nhem thoáng hiện những nét buồn u uẩn.

Một hôm có một bà khách quen đã trọng tuổi, nhà ở gần đó đến quán ăn cơm. Hôm đó đã xế trưa, quán vắng khách, chị Ba cũng xong việc, hai người lân la nói hết chuyện này lại bắt sang chuyện khác. Sau cùng bà khách kể cho chị Ba Mến nghe về một ngôi chùa nhỏ tên là thiền thất Phật Đà ở trong một con hẻm phía bên kia đường, cách quán cơm khoảng vài trăm thước. Thầy trụ trì là một vị sư già thuyết giảng rất hay. Thầy chuyên giảng kinh Pháp Cú. Kinh gồm bốn trăm hai mươi ba tiết, mỗi ngày thầy giảng một tiết, khi nào giảng hết thì thầy lại giảng lại từ tiết đầu. Chị Ba Mến chẳng hiểu Đạo Phật là gì cả nhưng cũng muốn đến

nghe một lần cho biết. Một hôm chị dọn dẹp bếp núc xong, tắm rửa thay quần áo sạch sẽ và tìm đến thiền thất Phật Đà.

Bỏ dép bước vào gian chính điện nhỏ xíu, chị Ba Mến nhìn lên bàn thờ Phật. Giữa bông hoa và những ngọn nến lung linh là một pho tượng Phật thật lớn trong tư thế ngồi thiền, vẻ uy nghi và thanh thản. Một vị thầy già gầy nhom ngồi trên một tấm phản nhỏ đặt trước bàn thờ. Chung quanh chị hơn ba mươi người đang ngồi yên lặng, hướng vào vị thầy, vẻ mặt họ thật thanh thản và thành kính. Trước cảnh tượng đó chị Ba Mến bàng hoàng cả người, chị có cảm giác như đang bước vào một thế giới khác, một thế giới thật yên lặng và an bình.

Chị chưa biết phải xử trí ra sao thì ngay lúc đó có một chú tiểu từ phía sau bàn thờ Phật bước ra tiến đến gần chị, vái chị một vái và trao cho chị một cái gối nhỏ và ra hiệu bảo chị hãy dùng gối để ngồi. Chị đặt gối xuống chiếu và ngồi lên như một cái máy. Không ai để ý đến chị, thế nhưng chị cảm thấy an tâm một cách lạ thường. Trong gian chánh điện chật hẹp tỏa rộng một bầu không khí thật an bình và thân thiện.

Độ mười lăm phút sau thì vị thầy đánh một tiếng chuông báo hiệu buổi tập thiền chấm dứt. Chú tiểu phía sau bàn thờ Phật lại xuất hiện với một cái mõ lớn và ngồi xuống bên cạnh vị thầy. Tất cả mọi người tụng một bài kinh ngắn, chú tiểu gõ mõ đánh nhịp, vị thầy thỉnh thoảng đánh một tiếng chuông. Chị Ba Mến cảm thấy mình lọt vào một thế giới khác, một thế giới thật êm ả, thiêng liêng và hoàn toàn xa lạ đối với chị trước đây. Ít nhất thì cái thế giới đó cũng khác với cái xô bấp ngợt ngạt của chị, với cái quán cơm ồn ào và hỗn độn với những người khách đến ăn còn đang đói, hoặc đã no bụng và hả hê.

Sau thời kinh, các người đến chùa đứng lên và hướng vào bàn Phật. Chú tiểu và vị thầy thì đứng trước bàn thờ Phật và hướng vào họ, hai bên đối mặt với nhau. Vị thầy cầm một cái chuông nhỏ đánh khê một tiếng, tất cả mọi người mọp xuống để lạy. Vị thầy lạy người đến chùa là một cách trả lễ cho Phật, và đồng thời cũng là để tỏ lòng kính trọng họ như những vị Phật. Người đến chùa thì lạy Phật và cùng lúc cũng lạy cả vị thầy như người đã thay Phật để hướng dẫn họ. Chị Ba Mến cũng bắt chước mọi người mọp xuống để lạy, vụng về và ngượng nghịu. Thế nhưng đồng thời thì chị cũng cảm thấy có một sức mạnh nào đó đang mạnh nहा và chồm nử trong lòng mình, một sức mạnh thật khiêm tốn nhưng bao la và tràn ngập yêu thương. Khi úp mặt lên chiếu để lạy, chị cảm thấy mình trở nên thật nhỏ bé và vô nghĩa, cả cái thân xác cục mịch và nặng nề của mình hình như cũng tan biến hết.

Sau ba lạy thì vị thầy tiến đến gặp chị Ba và cất lời với chị :

- Có lẽ chị đến đây lần đầu ? Chị cứ tự nhiên, nhà của Phật là nhà của mọi người. Mỗi tối đều có một buổi ngồi thiền kéo dài nửa giờ, sau đó là phần thuyết giảng. Nếu chị cần biết thêm điều gì thì cứ hỏi nhé !

Vị thầy ngồi xuống trước bàn thờ Phật, các người đến chùa ngồi thành một vòng chung quanh. Vị thầy cất lời :

- Hôm nay chúng ta sẽ cùng tìm hiểu xem tiết thứ mười chín trong Kinh Pháp Cú muốn nói lên điều gì. Trong câu này Đức Phật nhấn mạnh đến vai trò của sự chú tâm và cảnh giác. Ngài nói rằng một người mê muội, thiếu chú tâm và cảnh giác cũng tương tự như một người chăn bò đếm đàn bò của người khác. Sự chú tâm và cảnh giác giúp chúng ta nhận thấy những gì đang xảy ra chung quanh hầu giúp chúng ta biết trở về với con người đích thật của chính mình.

Vị thầy còn giảng thêm rằng sự chú tâm và cảnh giác đối với những gì mình cảm nhận được bằng thân xác, bằng mắt, tai, mũi, lưỡi và kể cả những xúc cảm và sự suy nghĩ của mình, sẽ giúp mình hòa nhập với thế giới chung quanh dễ dàng, thích nghi và đúng đắn hơn.

Tuy không hiểu hết ý nghĩa của những câu giảng đó, thế nhưng những gì vị thầy vừa nói cũng đã biến cải cả đời sống tinh thần của chị Ba Mến và cũng đã đánh dấu một khúc quanh lớn trong cuộc đời của chị. Từ trước đến nay chị vẫn sống, thế nhưng không hề ý thức được là mình đang sống. Chị không hề cảm nhận được sự sống bên trong nội tâm mình cũng như sự sống đang biến động trong bối cảnh chung quanh. Mỗi ngày chị làm các công việc thường nhật trong bếp như một cái máy. Lắm lúc chị cũng không ý thức được là mình đang làm gì và vừa làm xong được những gì. Mỗi sáng chị chờ các cô phụ bếp đến để cùng đêm với họ thật hăng say và ôn ào những đàn bò trong đầu họ.

Kể từ khi được nghe giảng về sự chú tâm trên đây, chị Ba Mến thường xuyên đến chùa và tham gia vào các buổi ngồi thiền và nghe giảng, chỉ hôm nào mệt lắm thì chị mới không đến chùa. Những lời thuyết giảng của vị sư già đã mang lại cho chị một tâm hồn phong phú, bén nhạy và nhiều yêu thương hơn. Chị cảm thấy gian bếp quả là một nơi nhơ nhớp và hôi hám, nào là mùi khô, mùi mắm, mùi cá, mùi lông gà, huyết heo, lòng heo, mùi kho nấu, chiên xào... bốc lên nồng nặc. Hình ảnh những con gà dẫy chết khi bị cắt cổ, những con cá dẫy dựa khi bị đập đầu, tiếng dao chặt xương, tiếng mỡ sôi trong chảo, kể cả đôi khi tiếng nước tiểu của khách hàng rót vào lỗ cầu trong góc bếp cũng nghe rõ mồn một..., tất cả đã tạo ra một sự kinh hoàng trong gian bếp chật hẹp của chị.

Những lời thuyết giảng của vị thầy già thật ra không hề tạo ra cho chị Ba Mến những khả năng nhận xét mang lại một sự sợ hãi hay kinh tởm nào cả, mà đúng hơn đã giúp chị nhận thấy được bản chất khổ đau của những gì đang xảy ra chung quanh chị, phản ánh bởi sự thèm khát miếng ăn của con người, bởi bản năng dục tính kích động và xô đẩy họ rơi vào những xúc cảm bấn loạn, những hành động điên rồ và u mê. Ý thức được các điều đó chị Ba Mến liền ăn chay và không còn tham gia vào các câu chuyện tình yêu gây cản do các cô phụ bếp và chạy bàn kể chuyện với nhau. Mỗi khi trông thấy chậu lòng heo mà mỗi ngày chị phải rửa và phải luộc thì chị đều cảm thấy một chút đau nhói trong lòng. Mỗi khi nghe các cô phụ bếp và chạy bàn hăng say thuật lại hồi thứ năm mươi hay sáu mươi của một bộ phim Hàn Quốc trình chiếu tối hôm qua trên truyền hình, thuật lại chuyện cô này thương cậu kia, cậu kia hát hủi cô nọ..., thì chị Ba cảm thấy thương hại các cô phụ bếp và chạy bàn vô cùng. Suốt ngày đi làm cực nhọc, tối đến thì ngồi xem và đếm những đàn bò trong đầu những diễn viên trên màn ảnh truyền hình.

Chị Ba Mến đảm trách công việc rửa ráy và luộc lòng heo đã từ mấy chục năm nay, từ khi chị còn là một cô bé ốm yếu. Ngồi trên chiếc ghế đầu, chị đặt thau lòng heo trước mặt, khép hai chân vào nhau, gác cằm lên hai đầu gối, chị dùng dao cắt phèo, bao tử, ruột già, gan, dồi trường, riêng ra thành từng phần. Chị nặn bột thức ăn đã tiêu hóa nửa chừng trong ruột non để phèo bột đắng, bởi vì các thức ăn đó đã được pha trộn với mật và các dung dịch tiêu hóa khác tiết ra từ gan và bao tử của con heo. Ngày nay thì chị phải ngồi với một tư thế khó khăn và kém thoải mái hơn nhiều, phải dạng hai chân vì bụng chị to quá. Chị kéo thau lòng heo sát vào bụng và mỗi khi nhìn xuống thì chị lại nhận thấy bụng chị che khuất một nửa thau đựng bộ đồ lòng của con heo. Mỗi khi rửa khúc dồi trường trắng phều thì chị lại liên tưởng đến khúc dồi trường trong bụng chị.

Trước đây trong bếp có một con chuột cống rất tinh ranh, không ai đuổi bắt hay bẫy được nó. Một hôm chị đang chặt thịt và để ý thấy con chuột ló đầu ra ở khe hở giữa hai thùng phuy đựng nước. Chị giả vờ như không trông thấy nó và vẫn cứ tiếp tục chặt thịt. Bất chợt nó phóng ra giữa sân bếp để tha một miếng thịt văng ra khỏi thớt. Chị Ba Mến bèn ném ngay con dao phay đang cầm trên tay vào người nó. Sóng dao đập vào giữa lưng con chuột, nó uốn người, bốn chân co quắp và run lên. Con chuột chết ngay sau đó, máu trào ra ở mũi và miệng. Chị Ba rất hãnh diện và khoe thành tích của chị với mọi người. Thế nhưng hôm nay khi chặt thịt và liên tưởng đến chuyện ấy thì chị lại thương hại con chuột vô ngần. Hoàn cảnh của nó thì nào có khác gì với hoàn cảnh của chị đâu, cả hai đều phải tranh đấu để kiếm miếng ăn. Nó thường rình rập nơi khe hở giữa hai thùng phuy, còn chị thì phải tự giam mình trong cái xó bếp chật hẹp này từ mấy chục năm nay. Cái chết của chị cũng đang xảy ra trong từng giây phút một, thế nhưng nhẹ nhàng và chậm chạp hơn, không tức tưởi như cái chết của con chuột. Vào một lúc nào đó cái chết của chị biết đâu cũng sẽ xảy đến thật đột ngột và đau thương như cái chết của nó ? Suy nghiệm về những lời giảng của vị sư già, chị bỗng nhận thấy trước đây mình đã sống như trong một giấc mơ, không hiểu biết gì cả, cũng chẳng ý thức được gì cả. Nào chị có biết đến đàn bò trong đầu mình đâu để mà đếm. Chị chỉ nhìn thấy đàn bò trong đầu của người khác.

Xe đến thị xã Cà Mau lúc nào không hay. Tiếng còi xe inh ỏi trên đường phố lôi chị trở về với thực tại. Xuống xe, tay xách tay ôm, thế nhưng chị vẫn cố gắng gọi xe taxi cho người phụ nữ ngồi bên cạnh, giúp cho cả ba mẹ con ngồi vào xe cẩn thận, sau đó chị mới trèo lên chiếc xe đồ nhỏ đưa chị về Năm Căn. Đường ổ gà, xe xóc mạnh, chị ôm giỏ quà vào lòng. Trong giỏ có một chai rượu dâu Đà Lạt, bốn lon bia Tiger và một gói thuốc lá hiệu Con Ngựa, và đặc biệt hơn hết là một hộp yến sào bên trong có sáu hũ. Trời đã xế chiều và chị thì còn phải qua đò và đi xe ôm về Tắc Biên.

Đứng chờ đò ở bờ sông Năm Căn, chị cảm thấy nôn nao trong lòng vì một chốc nữa đây chị sẽ được gặp lại mẹ sau một năm dài xa cách. Chị mơ màng nghĩ đến tối hôm nay chị sẽ trình trọng đặt lên bàn thờ chai rượu dâu Đà Lạt pha phẩm đồ và hương dâu hóa học cạnh bên chiếc nón hoen ố mờ hôi để cúng cha, một người cha mà chị không hề được biết mặt. Chị sẽ đặt một gói thuốc lá mới hiệu Con Ngựa và bốn lon bia Tiger bên cạnh gói thuốc lá Salem nhãn nhúm mà người anh mình đã bỏ quên nhằm để đặc biệt cúng anh mình, một người anh đã từng bông bé mình ngày nhỏ. Chị sẽ khui một lọ yến sào cho mẹ ăn. Chị nghe người ta nói rằng yến sào rất bổ cho người lớn tuổi.

Đêm hôm nay chị sẽ chui vào mùng ngủ với mẹ trên chiếc chõng tre. Chị sẽ gác đầu lên chiếc ngực lép xẹp của mẹ để lắng nghe tiếng đập của tim mẹ và để cảm thấy hơi thở ấm áp của mẹ luồn vào tóc mình... Bỗng nhiên một ý nghĩ lạ lùng hiện lên trong đầu, chị chỉ muốn mãi mãi nằm trong bụng mẹ để lúc nào cũng được nghe thấy tiếng tim mẹ đập và tiếng phổi của mẹ thở, chị không muốn sinh ra làm người làm gì. Chị ước mơ một ngày nào đó sẽ cùng với mẹ hóa thành những áng mây trên trời. Chị nghĩ thầm : Mong sao được trở về bụng mẹ, xin chớ sinh làm người, ước tan vào hư vô... Những ý nghĩ kỳ quặc và lạ lùng đó khiến chị phải mỉm cười, thế nhưng đồng thời thì nước mắt cứ trào ra và lăn dài trên đôi gò má phúng phính của chị. Con đò máy đang xoay mũi để cập bến. Trước mặt chị nước sông Cửa Lớn xoáy cuộn cuộn và đục ngầu.

Một vài ghi chú của người viết

Một kiếp người thì nào có khác gì một chuyến xe. Thế nhưng có khi nào chúng ta tự hỏi rằng chuyến xe của đời mình sẽ đưa mình về đâu hay không ? Nếu ra bến xe mua vé và bước lên xe thế nhưng chúng ta lại không biết là chuyến xe ấy sẽ đưa mình về đâu, như thế có phải là đáng buồn hay không ? Sống nhưng không biết mình sống để làm gì thì cũng tương tự như đang ngồi trong một chiếc xe đồ đang chạy nhưng lại không biết là nó đi đâu.

Cũng tương tự như thế, khi bước ra đường và gặp một người đang đi, ta hỏi người này :

- Ông, bà, hay cô, chú... đang đi đâu đây ?

Nếu người này trả lời là họ đi thế thôi và cũng chẳng biết là mình đi đâu, thì có phải đây là một điều đáng để đau buồn hay chẳng ?

Đối với Phật Giáo thì đi như thế gọi là « đi lang thang ». Tất cả chúng ta đang đi lang thang trong một thế giới bất định, một thế giới lẩn quẩn, loanh quanh. Cái thế giới đó Phật Giáo gọi là thế giới luân hồi hay samsara. Nguyên nghĩa tiếng Phạn của chữ samsara là « một tổng thể đang chuyển động » hay « một đám đông đang đi lại », hoặc nói một cách khác là « một đám người đang đi lang thang ». Đi lang thang có nghĩa là bước đi trong một thế giới của ảo giác, trong một giấc mơ triền miên. Trong giấc mơ đó, đôi lúc chúng ta cũng chợt tỉnh và nhận thấy mình đang ở một nơi nào đó, thế nhưng có lúc chúng ta cũng lại cảm thấy mình đang ở một nơi khác.

Chúng ta lang thang trong một thế giới ảo giác chẳng qua vì chúng ta luôn chạy theo những đàn bò của người khác để đếm và rồi quên mất đường về. Cảnh giác, thức tỉnh và chú tâm chính là cách giúp mình nhận thấy bản chất ảo giác của « thế giới lang thang » và « bản chất u mê » trong tâm thức để trở về với con người đích thật của chính mình.

Bures-Sur-Yvette, 04.02.13

Hoang Phong

www.vietnamvanhien.org



An Lạc & Tự Chủ

VIỆT NAM VĂN HIẾN

www.vietnamvanhien.info

TỦ SÁCH VĂN HIẾN VỚI HƠN 8000 TÁC PHẨM